

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN SÔNG ĐÀ
Năm 2015

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

– Tên giao dịch: Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà
– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102174012 do sở KH và ĐT Thành phố Hà Nội cấp lại lần 8 ngày 04/11/2014

– Vốn điều lệ: 17.510.920.000

– Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 17.510.920.000

– Địa chỉ: Nhà Lô 141 – Khu giãn dân Mỗ Lao – P. Mộ Lao – Hà Đông – Hà Nội

– Số điện thoại: 04 33 55 39 32

– Số fax: 04 33 55 39 31

– Mã cổ phiếu : SDE

2. Quá trình hình thành và phát triển

– Quá trình hình thành và phát triển: Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 14/02/2007, tiền thân của Công ty là Trung tâm thí nghiệm điện - Tổng công ty Sông Đà là một Doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo QĐ 34/TCT-TCĐT ngày 25/05/2002

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Xây lắp nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các dây truyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;

- Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành; thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ; duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây truyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV và công suất đến 3000 MW;

- Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán, hệ thống SCADA và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;

- Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng nhà máy điện, hệ thống điện - điện tử và tự động hóa, bao gồm cả công tác đồng bộ thiết kế, đồng bộ thiết bị, lập sơ đồ khởi động và thử đồng bộ thiết bị cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500 KV, công suất 3000 MW (không bao gồm dịch vụ thiết kế và giám sát công trình);

- Sản xuất công nghiệp và quản lý vận hành trong các lĩnh vực: cơ khí, điện, điện tử, thông tin viễn thông và sản xuất năng lượng điện;

- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện - điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây lắp các công trình điện, kinh doanh điện thương phẩm theo Luật điện lực;

- Đào tạo chuyên ngành điện kỹ thuật, điện tử, công nghệ thông tin, tin học (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và kỹ thuật dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình công nghiệp, các công trình đường thủy, bến cảng, cửa cống, đập và đê; xây dựng đường hầm; các công trình thể thao ngoài trời;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; cho thuê xe có người lái; hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch; hoạt động của cáp treo, đường sắt, leo núi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Hoạt động sản xuất, kinh doanh phòng tiện phòng cháy chữa cháy;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp (lĩnh vực: lắp thiết bị công trình, xây dựng - hoàn thiện);
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện (lĩnh vực: lắp đặt thiết bị, công nghệ điện);

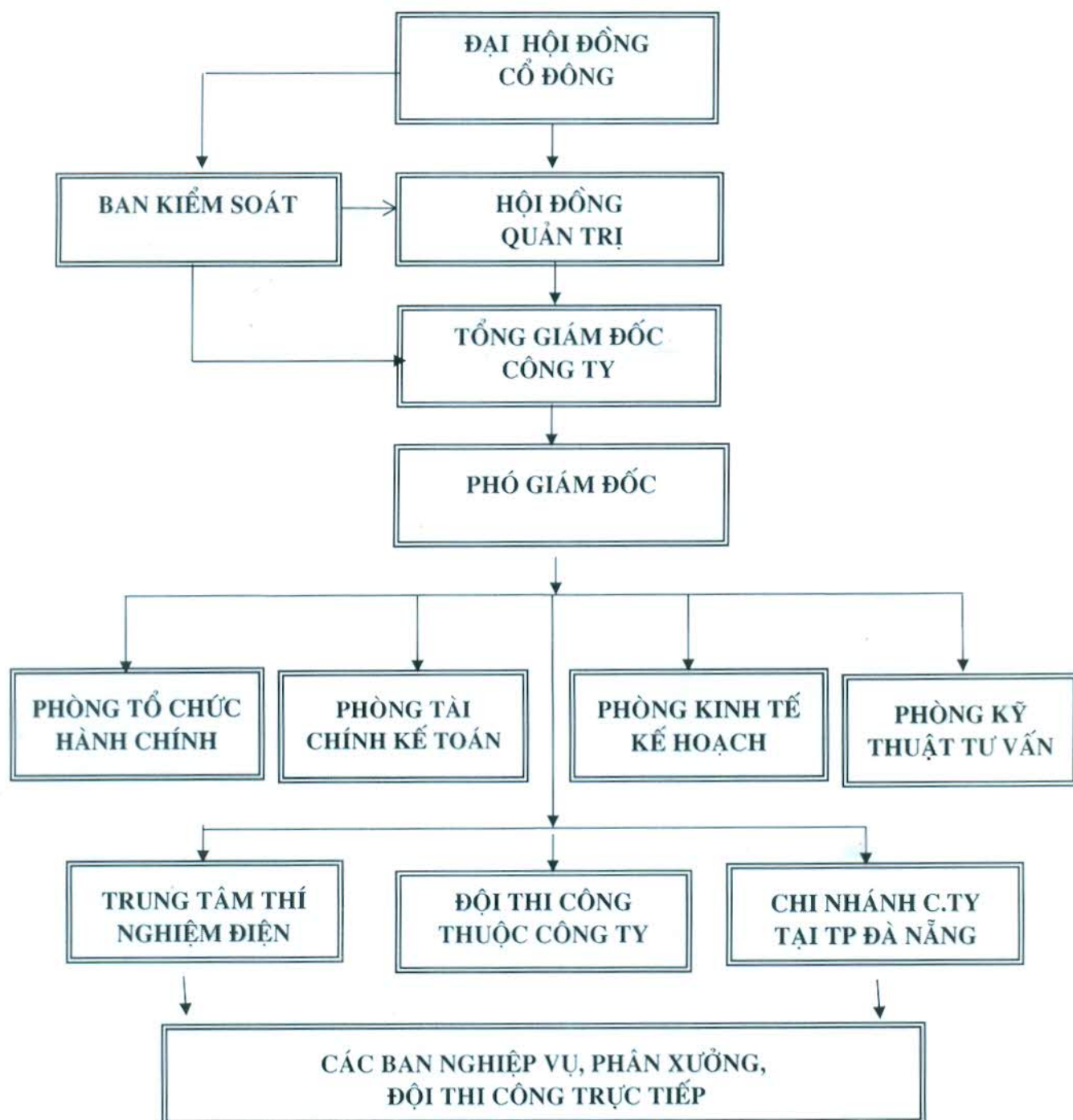
Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (các mặt hàng được Nhà nước cho phép).

- Địa bàn kinh doanh: Với tính chất công việc địa bàn kinh doanh của Công ty hoạt động trải dài trên khắp đất nước điển hình trong hai năm gần nhất là Công trình thủy điện Nậm Chiến tại Sơn La và Công trình Tả Trạch tỉnh Huế.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu tổ chức của Công ty quản lý theo sơ đồ sau:



- Các đơn vị con:

4.1. Trung tâm thí nghiệm Điện.

- Trụ sở: Nhà lô 141 Khu giãn dân Mỗ Lao — Mỗ Lao — Hà Đông — Hà Nội.
- Tel: 04.33553973 Fax: 04.33553971 Email: etc-sd11@vnn.vn
- Hệ thống Phòng thí nghiệm: Km10 Văn Mỗ - Hà Đông - Hà Nội.
- Tel: 04.22414940 Fax: 04.33553971

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây chuyên công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV và công suất đến hàng nghìn MW.

+ Lắp ráp tủ bảng điện điều khiển, đo lường, bảo vệ và tự động hóa cho các hệ thống công nghệ; Lắp ráp tủ bảng điện tự dùng AC-DC; ... cho các Nhà máy điện, Trạm biến áp và các dây chuyên công nghiệp. Lắp đặt, thí nghiệm - hiệu chỉnh các thiết bị điện của đường dây, trạm biến áp, các nhà máy thủy điện, thông tin viễn thông và các dây chuyên công nghệ.

4.2. Chi nhánh Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà tại Đà Nẵng.

- Trụ sở: Lô 6+7 B1.3 khu tái định cư Hoà Minh I, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.
- Tel: 0511.6272869 Fax: 0511.3768.926
- Ngành nghề kinh doanh: Đại diện cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh tại miền Trung.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Xây dựng và phát triển Công ty trở thành một đơn vị mạnh, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững. Tăng cường đoàn kết, tích cực đổi mới, thực hiện đa dạng hoá ngành nghề, đa dạng hoá sản phẩm. Đẩy nhanh tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp, lấy sản xuất lắp đặt thiết bị điện, thí nghiệm hiệu chỉnh nhà máy điện, chế tạo sản xuất vật tư thiết bị điện làm sản phẩm chính để đầu tư phát triển. Xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao. Phấn đấu vì sự phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện và Tổng Công ty Sông Đà, không ngừng nâng cao thu nhập trên mỗi cổ phần và đảm bảo cổ tức cho các cổ đông.

6. *Các rủi ro:* Rủi ro về kinh tế, rủi ro về lãi suất, rủi ro về lạm phát, vận hành, đặc thù ngành, cạnh tranh, biến động giá cả phiếu niêm yết và một số rủi ro khác.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Năm 2015 vẫn là năm chịu ảnh hưởng của nền kinh tế suy thoái, bởi vậy mà Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.. Lợi nhuận sau thuế năm 2015 lỗ **9.776.872.953 VNĐ**.

Tổ chức và Nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

Tổng giám đốc: Lê Văn Thụ.

Phó tổng giám đốc: Lê Vĩnh Khang.

Kế toán trưởng: Phan Huy Quang.

– Những thay đổi trong ban điều hành: Miễn nhiệm Ông Nguyễn Như Thức thôi giữ chức vụ Phó tổng giám đốc công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2014	Tỷ lệ
Tổng giá trị tài sản	84.382.392.326	67.817.329.631	79%
Doanh thu thuần	26.875.781.809	16.356.515.151	61%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	687.673.790	(8.859.872.953)	%
Lợi nhuận khác	(500.763.920)	(917.111.918)	
Lợi nhuận trước thuế	186.909.870	(9.776.872.953)	%
Lợi nhuận sau thuế	145.789.699	(9.776.872.953)	%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (Dự kiến)			

– Các chỉ tiêu khác:

Các chỉ tiêu	Năm 2013	2014	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.22	1.21	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0.99	1.14	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.67	0.79	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2.00	3.79	
<i>3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.54	-0.59	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.01	-0.69	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.0017	-0.14	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.03	-0.54	

3. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần 1.751.092

b) Cơ cấu cổ đông: Bao gồm cổ đông là tổ chức và cổ đông cá nhân.

Báo cáo và đánh giá của Ban tổng giám đốc.

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

– Năm 2015 Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà chưa hoàn thành các mục tiêu kế hoạch SXKD đề ra đặc biệt là chỉ tiêu về doanh thu và thu các khoản tiền về Công ty. Bên cạnh đó, khó khăn trong quá trình tìm kiếm việc làm cũng ảnh hưởng nhiều đến hoạt động SXKD của Công ty.

– Trong năm 2015 Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà đã cố gắng trong việc đấu thầu mở rộng phạm vi công việc và tìm được nhiều đối tác mới, đảm bảo khối lượng công việc nhằm đạt được chỉ tiêu kế hoạch năm 2016.

2. *Tình hình tài chính*

a) *Tình hình tài sản*

Giá trị tài sản của Công ty không có sự biến động. Các tài sản vẫn còn nguyên giá trị và vẫn phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty.

b) *Tình hình nợ phải trả*

– Các khoản nợ phải trả hiện nay của Công ty là không lớn so với các chỉ tiêu mà Công ty đạt được đặc biệt là các khoản phải thu. Hiện nay Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà vẫn có khả năng thanh toán nợ ổn định từ đó chưa có khoản nợ xấu nào được tính đến.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:* Công ty đã tiến hành tập trung chuyên môn hóa sản xuất hơn bằng việc thành lập ra các tổ đội chuyên môn thực hiện tại các Công trình.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai:* Phát triển ổn định, bền vững, cân bằng các ngành nghề trong hoạt động sản xuất kinh doanh đặc biệt là ngành Xây lắp điện và Thí nghiệm hiệu chỉnh điện. Đồng thời mở rộng hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp các đường dây và trạm biến áp Đảm bảo duy trì và tăng trưởng lợi nhuận trong lâu dài.

III. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:* Nhìn chung trong năm 2015, dưới những ảnh hưởng và thách thức của nền kinh tế, Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà tuy đã có nhiều cố gắng nhưng vẫn không hoàn thành được mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:* Trong năm 2015, do sự khó khăn của nền kinh tế, khó khăn trong công tác tìm kiếm việc làm, huy động nguồn vốn phục vụ thi công nên đã không hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo công ty đã có những cố gắng để duy trì hoạt động SXKD, cắt giảm chi phí, tích cực trong công tác đấu thầu tìm kiếm công việc, và duy trì được lợi nhuận có lãi cho công ty, tạo điều kiện để thực hiện kế hoạch năm 2016.

Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Bạch Dương	Chủ tịch HĐQT	
2	Lê Văn Thụ	Thành viên - Tổng giám đốc	
3	Nguyễn Vĩnh Khang	Thành viên - Phó TGD	
4	Đông Đăng Khôi	TV HĐQT	
5	Võ Khánh	TV HĐQT	

a) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Ban kiểm soát.

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị đã hoạt động tốt và đề ra các chính sách phù hợp cho Công ty. Trong năm 2014 Hội đồng quản trị Công ty tiến hành họp với số lượng 5 lần với các nội dung về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đề ra các giải pháp nhằm phát triển Công ty.

2. Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Vũ Tiến Bộ	Trưởng BKS	Bổ nhiệm 09/05/2014
2	Trần Văn Hiệp	Thành viên	
3	Nguyễn Trung Dũng	Thành viên	Bổ sung 06/06/2014

Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà, được lập ngày 24/03/2016, từ trang 05 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015940 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 10 tháng 10 năm 2011 theo Mã số doanh nghiệp số 0102174012.

Trụ sở chính của Công ty tại Nhà lô 141, khu giãn dân Mỗ Lao, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 17.510.920.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh

- Xây lắp nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các dây truyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành; thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ; duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây truyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV và công suất đến 3000 MW;
- Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán, hệ thống SCADA và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng nhà máy điện, hệ thống điện - điện tử và tự động hóa, bao gồm cả công tác đồng bộ thiết kế, đồng bộ thiết bị, lập sơ đồ khởi động và thử đồng bộ thiết bị cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây truyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500 KV, công suất 3000 MW (không bao gồm dịch vụ thiết kế và giám sát công trình);
- Sản xuất công nghiệp và quản lý vận hành trong các lĩnh vực: cơ khí, điện, điện tử, thông tin viễn thông và sản xuất năng lượng điện;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện - điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây lắp các công trình điện, kinh doanh điện thương phẩm theo Luật điện lực;
- Đào tạo chuyên ngành điện kỹ thuật, điện tử, công nghệ thông tin, tin học (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và kỹ thuật dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình công nghiệp, các công trình đường thủy, bến cảng, cửa cống, đập và đê; xây dựng đường hầm; các công trình thể thao ngoài trời;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; cho thuê xe có người lái; hợp đồng chờ khách đi tham quan, du lịch; hoạt động của cáp treo, đường sắt, leo núi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Hoạt động sản xuất, kinh doanh phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp (lĩnh vực: lắp thiết bị công trình, xây dựng - hoàn thiện);
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện (lĩnh vực: lắp đặt thiết bị, công nghệ điện);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (các mặt hàng được Nhà nước cho phép).

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi có liên quan.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành phù hợp với hoạt động của Doanh nghiệp. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán (*Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp*);

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

2.2 Phương pháp xác định hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được xác định như sau:

$$\begin{aligned} \text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ} &= \text{Chi phí dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí phát sinh trong kỳ} - \text{Giá thành thực tế hàng bán trong kỳ} \\ \text{Giá thành thực tế hàng bán trong kỳ} &= \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SX phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Doanh thu bán hàng trong kỳ} \end{aligned}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo ba chi tiêu là nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính, cụ thể:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25-50 năm
- Máy móc, thiết bị	06-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm

- Thiết bị văn phòng

03-08 năm

- Tài sản cố định vô hình (*)

Không trích khấu hao

(*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại thửa số 07-B1.3 Khu TĐC Hòa Minh 1, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa trong kỳ 0%.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác thuộc chủ sở hữu là quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định theo giá trị khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu và được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày;

Tài sản tài chính:

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính:

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần; hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

12. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày tại VII.1 trong Thuyết minh Báo cáo tài chính.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢN THUYẾT MINH

Tiền và các khoản tương đương tiền	Số đầu năm	Số cuối năm
Tiền mặt tại quỹ	1.035.339.831	2.546.757.16
Tiền gửi ngân hàng	778.312.299	537.893.57
Cộng	1.813.652.130	3.084.650.73
Phải thu khách hàng và trả trước người bán	Số đầu năm	Số cuối năm
Phải thu khách hàng	41.824.594.269	27.212.820.507
Trả trước người bán	2.819.213.104	3.128.865.069
Cộng	44.643.807.373	30.341.685.074
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Số đầu năm	Số cuối năm
<i>Tạm ứng</i>	13.270.101.615	12.204.880.450
<i>Phải thu khác</i>	1.235.525.294	6.744.910.993
Cộng	14.505.626.909	18.949.791.44
Hàng tồn kho	Số đầu năm	Số cuối năm
Nguyên liệu, vật liệu		
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.757.822.810	2.362.516.681
Hàng hóa	127,699,891	127,699,891
Cộng	4.885.522.801	2.694.937.199
ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC	Số đầu năm	Số cuối năm
	Tỷ lệ	Tỷ lệ
	Giá trị	Giá trị
Đầu tư cổ phần - Công ty CP ĐT PT Điện Tây Bắc (*)	2.069%	2.069%
	7,500,000,000	7,500,000,000
Cộng	7,500,000,000	7,500,000,000

(*) Tương ứng với 750.000 CP

Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn

Số đầu năm

Số cuối năm

- CN Ngân hàng NN và PTNT Đà Nẵng	(1)	600,000,000	600,000,00
- Vay cá nhân	(2)	3.547.823.000	3.090.823.00
Cộng		4.147.823.000	3.690.823.000

Phản ánh khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng : 2000LDS201100035 ngày 11/1/2011. Khoản cho vay được bảo đảm bằng tài sản của cá nhân và có tổng hạn mức t dụng là 600.000.000 đồng. Thời hạn vay và lãi suất vay được xác định tại từng lần giải ngân cụ thể nhưng không quá 1 tháng.

Các hợp đồng vay cá nhân có thời hạn vay dưới 12 tháng và lãi suất vay theo mức lãi suất từng thời điểm của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô. Đây là khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	Số đầu năm	Số cuối năm
Phải trả người bán	9.154.206.522	13.560.624.57
Người mua trả tiền trước	4.078.971.155	2.202.135.30
Cộng	13.233.177.677	15.762.759.88

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số đầu năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	7.447.801.388	6.694.522.90
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.340.351.603	2.790.351.60
Thuế thu nhập cá nhân	547.877.172	687.188.20
Các loại thuế khác	896.675.629	950.939.60
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	34,111,124	34.111.10
Cộng	12.266.816.917	11.157.113.50

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Chi phí phải trả	Số đầu năm	Số cuối năm
Chi phí lãi vay phải trả	1.113.258.850	1.229.007.582
Chi phí trích trước của các công trình	12.519.176.252	4.562.435.449
Chi phí phải trả khác	467.612.288	521.273.538
Cộng	13.713.705.663	6.312.716.569
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số đầu năm	Số cuối năm

Kinh phí công đoàn	652.597.489	659.125.288
Bảo hiểm xã hội	5.756.362.665	6.854.910.373
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.096.172.858	5.005.751.437
- Phải trả cổ tức các năm	3.026.042.860	3.026.042.860
- Phải trả khác	2.070.129.998	1.979.708.577
Cộng	<u>11.505.133.012</u>	<u>12.519.787.098</u>

Dự phòng phải trả	Số đầu năm	Số cuối năm
Dự phòng bảo hành Công trình XM Hương Điền	516,499,636	516,499,636
Dự phòng bảo hành Công trình Cái Giá - Cát Bà	523,237,353	523,237,353
Dự phòng bảo hành các Công trình Nậm Chiến	1,460,160,922	1,460,160,922
Cộng	<u>2,499,897,911</u>	<u>2,499,897,911</u>

Vốn chủ sở hữu

14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Xem phụ lục số 02)

14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số đầu năm	Số cuối năm
Vốn góp của TCty Sông Đà	290,000,000	290,000,000
Vốn góp của Cổ đông khác	17,220,920,000	10,903,920,000
Cộng	<u>17,510,920,000</u>	<u>17,510,920,000</u>

14.3. Cổ phiếu

	Năm trước	Năm nay
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1,751,092	1,751,092
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và đã góp đủ	1,751,092	1,751,092
- Cổ phiếu phổ thông	1,751,092	1,751,092
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1,751,092	1,751,092
- Cổ phiếu phổ thông	1,751,092	1,751,092
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

10,000

10,000

14.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm trước	Năm nay
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	145.789.699	(9.776.872.953)
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i> <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	145.789.699	(9.776.872.953)
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1,751,092	1,751,092
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	83	(5.583)

Đại diện doanh nghiệp



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Thọ